

TEST UNIT 8 P1

STT	Từ - nhóm từ	Từ loại	Nghĩa
1		v	phủ nhận (lời cáo buộc)
		v	từ chối (làm gì)
2		v	đồng tình, đồng ý (ý kiến)
		v	chấp nhận
3		n	tựa bài báo (được in to)
		n	tiêu đề (trang sách - bài viết, bài báo cáo)
4		n	chương trình đặc biệt (chủ đề nào đó)
		n	bài báo
5		n	chương trình truyền hình (nói)
		n	chương trình trả lời câu hỏi → giành phần thưởng
		n	chương trình chơi trò chơi → giành chiến thắng
6.		n	người giới thiệu chương trình
		n	bình luận viên
7		n	báo lá cải (báo khổ nhỏ)
		n	báo khổ rộng (chính quy - được kiểm định)
8		n	nhà báo, kí giả (trực tiếp ở hiện trường)
		n	nhà bình luận, người phụ trách một chuyên mục trong báo
9		n	báo chí (tạp chí)
		n	truyền thông (rộng hơn, gồm phương tiện: báo, đài, internet)
10		n	chương trình truyền hình
		n	chương trình máy tính, lập trình máy tính
		phr	hiểu cách làm
11		n	kênh (truyền hình) - VTV1& VTV2
		n	chương trình phát sóng trực tiếp
12.		n	bản tin (regular bulletin: bản tin thường ngày)
		n	tin nóng (vấn đề nhiều người quan tâm)

B. PHRASAL VERBS (CỤM ĐỘNG TỪ)

1. I need to _____ this form with all the required information.
a) come out b) fill in c) hand out d) look up
2. She couldn't _____ the stain (vết bẩn, vết nhơ) in the contract.
a) put forward b) see through c) stand out d) turn over
3. Can you _____ that book and see if there's any information about the topic?
a) flick through b) make out c) make up d) bring up
4. The new students really _____ in class with their impressive knowledge.
a) come on b) go into c) stand out d) put forward
5. We should _____ some suggestions for improving the project.
a) come on b) put forward c) make up d) bring up
6. Please _____ the test to everyone in the room.
a) hand out b) turn over c) see through d) look up
7. The truth will eventually _____.
a) make out b) come out c) fill in d) look up
8. He tried to _____ an excuse (cái cớ) for his absence
a) flick through b) make up c) bring up d) put forward
9. When I asked her to _____ the holes, she suddenly became quiet.
a) stand out b) come out c) look up d) see through
10. I'll need to _____ the dictionary to find the definition of this word.
a) come on b) go into c) look up d) turn over